

CTCP CAO SU TÂY NINH (HOSE - TRC)

BÁO CÁO CẬP NHẬT KQKD

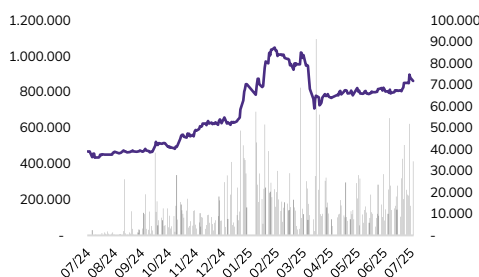
Nguyễn Thị Kỳ Duyên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Cao su
Ngày báo cáo	: 30/07/2025
Giá hiện tại (VND/CP)	: 66.400
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 1.928
SLCPĐLH (CP)	: 29.125.000

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Q2/24	Q2/25
Tăng trưởng DTT (%)	31,0%	46,0%
Tăng trưởng LNST (%)	145,0%	172,2%
Biên LNG (%)	23,8%	31,3%
Biên LNST (%)	14,2%	26,4%
ROA (%)	4,5%	13,6%
ROE (%)	5,4%	15,8%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,08	0,00
EPS (VND/CP)	427	1.163
BVPS (VND/CP)	56.953	66.188

Nguồn: FiinPro, ABS Research

KQKD tích cực nhờ giá cao su thiên nhiên tăng cao

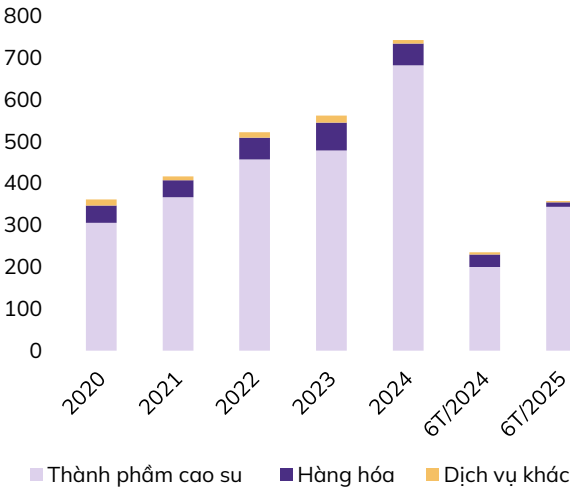
- KQKD Q2/2025: Lợi nhuận sau thuế tăng 2,7 lần so với cùng kỳ**
 - ✓ Doanh thu thuần (DTT) trong quý 2 ghi nhận tăng trưởng mạnh lên 132 tỷ đồng (+46,0% svck) mặc dù quý 2 thường là quý có doanh thu thấp nhất trong năm do yếu tố mùa vụ. Doanh thu tăng trưởng nhờ:
 - (1) Sản lượng tăng ở cả công ty mẹ là CTCP Cao su Tây Ninh và công ty con là Công ty Tây Ninh Siêm Riệp PTCS;
 - (2) Giá bán bình quân mủ cao su bình quân tăng 20-22% svck theo đà tăng của giá cao su thế giới, chủ yếu do các yếu tố nguồn cung bị gián đoạn bởi thời tiết bất lợi và tâm lý tích trữ hàng trước lo ngại thiếu hụt.
 - ✓ Lợi nhuận gộp đạt 41 tỷ đồng (+31,6% svck). Biên lợi nhuận gộp tăng rõ rệt lên 31,3% (+7,5 điểm phần trăm svck), tuy nhiên cũng đã giảm so với thời kỳ Q4/2024 (BLG đạt 51,7%) khi giá cao su đạt đỉnh lịch sử 5 năm.
 - ✓ Doanh thu tài chính Q2/2025 đạt 11 tỷ đồng (+14,3% svck) chủ yếu do gia tăng lượng tiền gửi ngân hàng, trong khi chi phí tài chính trong kỳ giảm về mức không đáng kể chỉ còn 37 triệu đồng (-98,8% svck) do chi phí lãi vay của Công ty Tây Ninh Siêm Riệp giảm svck.
 - ✓ LNST của Cổ đông Công ty mẹ trong quý 2 tăng rất tích cực lên 35 tỷ đồng (+172,2% svck)
- Lũy kế 6T/2025: Doanh thu và lợi nhuận đạt đỉnh lịch sử từ năm 2017**
 - ✓ TRC ghi nhận doanh thu trong 6T/2025 gấp 1,5 lần cùng kỳ đạt 358 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp tăng mạnh lên 129 tỷ đồng (+144.3% svck), biên lợi nhuận gộp đạt mức ấn tượng 36% (+13,7 điểm phần trăm svck). TRC thường có biên lợi nhuận gộp cao hơn các doanh nghiệp khác trong ngành nhờ tập trung vào dòng sản phẩm mủ ly tâm Latex và SVR 3L chất lượng cao.
 - ✓ Chi phí bán hàng & QLDN tăng lên mức 29 tỷ đồng (+19,5% svck), chủ yếu do gia tăng chi phí nhân công là 12 tỷ đồng (+21,4% svck).
 - ✓ Lãi ròng từ hoạt động tài chính tăng mạnh lên 12 tỷ đồng (+77% svck), dù doanh thu tài chính giảm 9,5% còn 12 tỷ đồng. Mức tăng chủ yếu đến từ việc chi phí tài chính gần như bằng 0, do công ty gần như không phát sinh chi phí lãi vay trong kỳ.
 - ✓ Kết thúc 6 tháng, TRC ghi nhận LNST từ Cổ đông Công ty mẹ đạt 105 tỷ đồng, gấp 3,75 lần cùng kỳ với biên lợi nhuận ròng đạt mức 29,4%. Công ty đã hoàn thành 64% kế hoạch doanh thu và 59% kế hoạch LNST.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA TRC Q2/2025 & NĂM 2024

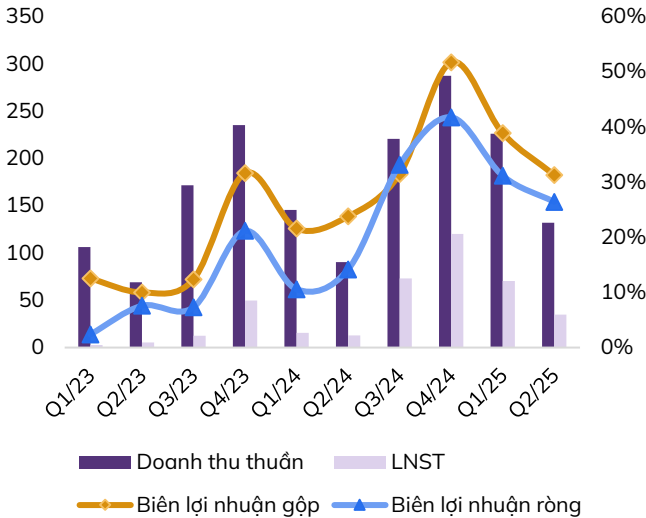
BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ VND)	Q2/2024	Q2/2025	%YoY	6T/2024	6T/2025	%YoY
Doanh thu thuần	90	132	46,0%	236	358	51,8%
Lợi nhuận gộp	21	41	92,2%	53	129	144,3%
Biên lợi nhuận gộp (%)	23,8%	31,3%		22,4%	36,1%	
Chi phí BH&QLDN	-11	-14	25,1%	-24	-29	19,5%
Chi phí BH&QLDN/DTT (%)	-12,0%	-10,3%		-10,3%	-8,1%	
Doanh thu HĐ tài chính	9	11	14,3%	13	12	-9,5%
Chi phí tài chính	-3	0	-98,8%	-7	0	-93,8%
Trong đó: Chi phí lãi vay	-2	0	-99,7%	-7	0	-95,0%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	12	37	200,4%	29	112	289,0%
Lợi nhuận trước thuế	14	37	163,2%	31	113	267,6%
LNST cổ đông công ty mẹ	13	35	172,2%	28	105	273,4%
Biên lợi nhuận ròng (%)	14,2%	26,4%		11,9%	29,4%	

Nguồn: TRC, ABS Research

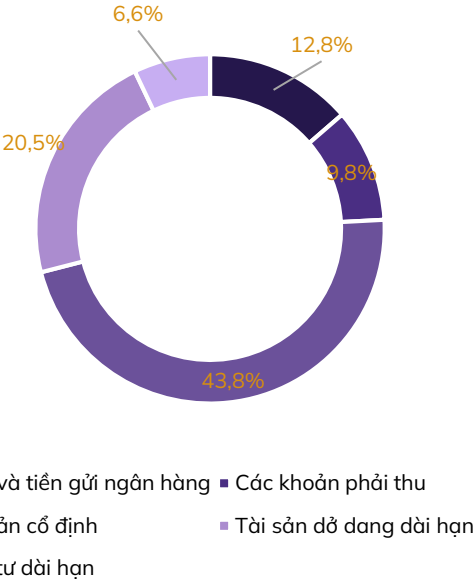
Cơ cấu doanh thu của TRC (tỷ đồng)



Doanh thu (tỷ đồng) và biên lợi nhuận theo quý (%)



Cơ cấu tài sản tại ngày 30/06/2025



Giá cao su thế giới từ năm 2022

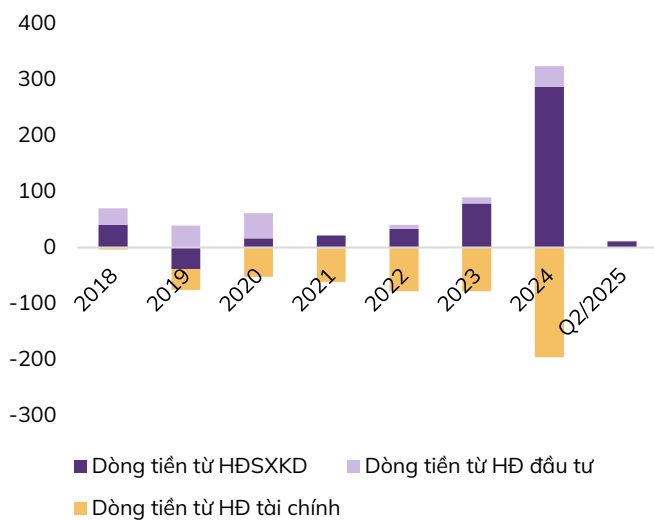


Nguồn: TRC, tradingeconomics, ABS Research

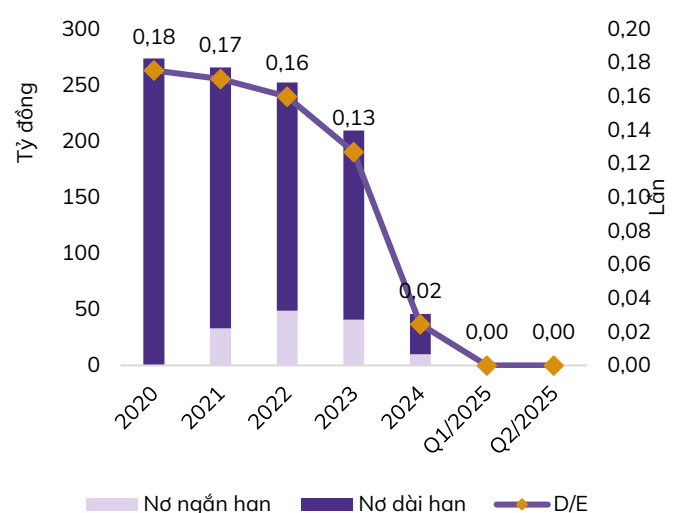
• **TRC có tình hình sức khỏe tài chính rất lành mạnh:**

- ✓ **Lượng tiền và tiền gửi ngân hàng ngày một gia tăng, chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong cơ cấu tài sản.** Tại ngày 30/06/2025, tổng tài sản của TRC đạt 2.271 tỷ đồng (+3,5% so với đầu năm). Trong đó giá trị tiền và tương đương tiền là 290 tỷ đồng (+11% so với đầu năm, chiếm 12,8% tổng tài sản).
- ✓ **Tài sản cố định là vườn cây khai thác lâu năm, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản.** Tại ngày 30/06/2025, TRC ghi nhận giá trị tài sản cố định là 995 tỷ đồng (+3,5% svck, chiếm 43,8% tổng tài sản).
- ✓ **Khoản mục người mua trả tiền trước tăng mạnh do hợp đồng xuất khẩu với đối tác tại Campuchia.** Khoản mục người mua trả tiền trước tại ngày 30/06/2025 ghi nhận 153 tỷ đồng, tăng 10,1% so với đầu năm và gấp 9,8 lần so với cuối năm 2023. Đến cuối năm 2024, phần lớn khoản này đến từ hợp đồng với C.R.C.K.2 Aphivath Caoutchouc Co., Ltd, theo đó công ty này ứng trước cho CTCP Cao su Tây Ninh Siêm Riệp (TRC) để mua 6.500 tấn cao su CSR10 và CSR10 Mix, giao hàng từ 2025 đến 2027. Theo hợp đồng, TRC được nhận 7 triệu USD tạm ứng, khấu trừ dần vào từng đợt giao hàng. Tính đến 31/12/2024, TRC đã nhận 5 triệu USD (tương đương 128 tỷ đồng). Khoản tiền ứng trước này giúp tăng lượng tiền mặt, cải thiện thanh khoản cho công ty.
- ✓ **Tỷ lệ nợ vay/VCSH có xu hướng giảm dần trong các năm trở lại đây và chính thức trở về 0 trong Q1/2025, phản ánh tình hình tài chính an toàn và khả năng tự chủ vốn tốt hơn, đồng thời giúp tiết giảm tối đa các chi phí lãi vay.**

Dòng tiền của TRC (Tỷ đồng)



Cơ cấu nợ và tỷ lệ nợ vay/VCSH



Nguồn: TRC, ABS Research

Đánh giá của ABS Research

Chúng tôi cho rằng triển vọng của TRC sẽ duy trì tích cực trong năm 2025, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng sẽ chậm hơn so với cùng kỳ vào các quý cuối năm.

- ✓ **Giá bán mủ cao su thiên nhiên đã giảm so với thời kỳ đỉnh cao cuối năm 2024, và đang có xu hướng phục hồi nhẹ.** Giá cao su thiên nhiên đang ở mức hơn 176 USD/tấn, cao nhất kể từ vùng đáy cuối tháng 5, tuy nhiên đã giảm 14,5% so với thời kỳ đỉnh cao trong quý 3,4 năm 2024. Theo World Bank, giá cao su thiên nhiên được dự báo phục hồi dần nhẹ trong những tháng cuối năm, đặc biệt khi sản lượng toàn cầu vẫn hạn chế:
 - Các yếu tố ảnh hưởng nguồn cung toàn cầu bao gồm: (1) Tình hình thời tiết bất lợi, mưa lớn bất thường tại các quốc gia sản xuất lớn như Thái Lan, Malaysia; (2) Gia tăng chi phí đầu vào như chi phí nhân công; và (3) Căng thẳng địa chính trị.

- Trong khi đó, nhu cầu cao su có thể kỳ vọng tăng trưởng nhẹ trong các tháng cuối năm, một phần đáp ứng sản xuất xe điện tại Trung Quốc. Trong 6 tháng đầu năm, doanh số xe điện tại Trung Quốc có sự hồi phục, chủ yếu nhờ dòng xe năng lượng điện mới NEV (+33% svck). Sự khởi sắc được kỳ vọng đến từ chính sách hỗ trợ tiêu dùng, cùng đà mở rộng mạng lưới sạc và cạnh tranh giá từ các hãng xe nội địa. Lớp ô tô điện thường sử dụng nhiều cao su thiên nhiên hơn so với lớp xe chạy xăng, do yêu cầu chịu tải nặng và giảm tiếng ồn, do đó càng góp phần gia tăng nhu cầu tiêu thụ cao su trong ngành ô tô.
- ✓ **Sản lượng dự báo gia tăng với đóng góp từ Công ty Siêi Riệp.** Sản lượng khai thác của Công ty Tây Ninh Siêi Riệp (PTSC) – công ty con do TRC sở hữu 100% vốn – được kỳ vọng gia tăng trong năm do (1) Phần lớn vườn cây đã bước vào giai đoạn cao điểm khai thác mủ cao su 2023 – 2026 sau giai đoạn trồng mới và chăm sóc; (2) Cải thiện năng suất nhờ ứng dụng giống cây trồng mới; (3) Điều kiện thời tiết thuận lợi tại Campuchia.
- ✓ **TRC đang trong tiến độ đáp ứng tiêu chuẩn EUDR.** Quy định chống mất rừng của EU (EUDR) sẽ chính thức áp dụng từ ngày 30/12/2025 (sau khi gia hạn 1 năm), đặt ra tiêu chuẩn nghiêm ngặt hơn về truy xuất nguồn gốc và đánh giá rủi ro, buộc các doanh nghiệp cao su phải cải tổ toàn diện nếu muốn tiếp tục xuất khẩu vào EU. Tính đến nay, đã có ba công ty thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (GVR) gồm Cao su Đồng Nai, Dầu Tiếng và Chư Sê – Kampong Thom được xác nhận đáp ứng quy định chống mất rừng của EU (EUDR). Theo định hướng chung, toàn bộ các công ty thuộc GVR hiện đều đang tích cực triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc và hoàn thiện hồ sơ pháp lý nhằm đạt chuẩn EUDR trong thời gian tới. Cao su Tây Ninh hiện chưa đạt chứng nhận nhưng đang tích cực triển khai hệ thống PEFC EUDR-DDS và hoàn thiện chuỗi truy xuất nguồn gốc. Dự kiến đến tháng 10/2025, Công ty sẽ hoàn tất các yêu cầu theo EUDR. Việc đạt chuẩn này được ghi nhận có thể giúp giá bán mủ cao su tăng thêm 200–250 USD/tấn (tương đương 14–18%), qua đó mở ra tiềm năng nâng cao giá trị xuất khẩu và tiếp cận các thị trường cao cấp.
- ✓ **Cơ hội đột biến lợi nhuận cho TRC trong 2026.** Việc chuyển đổi khoảng 495 ha đất cao su tại nông trường Gò Dầu – chủ yếu là cao su già và cây non năng suất thấp – để phát triển Khu công nghiệp Hiệp Thành sẽ được thực hiện theo Nghị định 47/2014/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 214/QĐ-TTg ngày 01/3/2024, với thời gian triển khai công tác chuyển đổi mục đích sử dụng đất và đền bù giải phóng mặt bằng dự kiến kéo dài từ năm 2024 đến 2026. Dự án kỳ vọng sẽ mang lại nguồn thu đột biến cho TRC và đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh trong năm 2026.
- ✓ Tình hình tài chính an toàn. Dòng tiền và hoạt động kinh doanh ổn định, không có nợ vay, theo đó giúp đảm bảo tình hình tài chính cho doanh nghiệp, tránh rủi ro liên quan đến thanh khoản.
- ✓ Công ty có lịch sử chi trả cổ tức bằng tiền mặt rất đều đặn qua các năm với tỷ lệ cổ tức cao từ 13% - 25%. Năm 2024, công ty dự kiến chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 25% mệnh giá, tương đương với mức cao nhất từng ghi nhận kể từ năm 2014, cho thấy nền tảng tài chính ổn định và chính sách cổ tức hấp dẫn đối với cổ đông.
- ✓ ABS Research dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ 2025F của TRC dự kiến là 245 tỷ đồng. EPS & BVPS 2025F dự kiến đạt 8.412 đ/cp & 70.276 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 7,8x và 0,9x lần tại mức giá hiện tại. ROE 2025F là 12,0%.

PHỤ LỤC – MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA TRC

Báo cáo KQ HĐKD (tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	417	523	563	744
Giá vốn	(319)	(417)	(448)	(473)
Lợi nhuận gộp	99	107	115	271
Doanh thu tài chính	16	8	20	19
Chi phí tài chính	(7)	(13)	(16)	(11)
Chi phí bán hàng	(4)	(7)	(8)	(11)
Chi phí quản lý	(33)	(33)	(45)	(48)
Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh	72	62	58	209
Lợi nhuận/(lỗ) khác	(7)	(2,4)	(2,8)	(2,8)
Lợi nhuận trước thuế	113	89	74	242
Lợi nhuận sau thuế	97	75	68	221
LNST cổ đông Công ty mẹ	97	75	68	221

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
LCT thuần từ HĐKD	21	33	79	287
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	(2)	7	11	37
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	(60)	(78)	(78)	(196)
LCT thuần trong kỳ	(40)	(37)	11	128
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	153	113	76	106
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	113	76	106	260

Chỉ số tài chính	2021	2022	2023	2024
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	2,19	1,87	2,22	2,10
Khả năng thanh toán nhanh	1,63	1,34	1,73	1,63
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,62	0,38	0,60	0,93
Khả năng thanh toán lãi vay	10	5	4	20
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,79	0,80	0,83	0,86
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,21	0,20	0,17	0,14
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,17	0,16	0,13	0,02

Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	0,29	3,35	5,01	1,60
Số ngày phải trả	11,16	10,58	12,62	8,48
Số ngày tồn kho	67,96	58,52	46,25	54,75

Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	23,7%	20,4%	20,4%	36,4%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	17,2%	11,9%	10,4%	28,1%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	23,3%	14,4%	12,0%	29,7%
ROE	6,2%	4,8%	4,2%	12,5%
ROA	4,9%	3,8%	3,4%	10,6%
ROIC	3,1%	3,3%	3,2%	11,4%

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	113	76	106	260
+ Đầu tư ngắn hạn	0	0	0	0
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	182	194	200	196
+ Hàng tồn kho	70	64	50	92
+ Tài sản ngắn hạn khác	32	44	37	39
Tài sản ngắn hạn	397	377	393	588
+ Các khoản phải thu dài hạn	2	2	2	1
+ Tài sản cố định	482	764	920	961
+ Tài sản dở dang dài hạn	919	668	518	493
+ Đầu tư dài hạn	170	169	162	151
Tổng tài sản	1.578	1.606	1.603	1.607
+ Vay ngắn hạn	33	49	41	10
+ Phải trả người bán	13	11	20	2
+ Nợ ngắn hạn khác	135	141	116	268
Nợ ngắn hạn	181	201	177	280
+ Vay dài hạn	233	203	169	36
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	0	0	0	1
Nợ dài hạn	233	203	169	38
Tổng nợ phải trả	414	405	346	317
+ Vốn cổ phần	300	300	300	300
+ Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	79	45	68	221
+ Quỹ khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	1.561	1.578	1.651	1.877
Tổng cộng nguồn vốn	1.974	1.983	1.996	2.194

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2021	2022	2023	2024
Tăng trưởng doanh thu	15,5%	25,4%	7,5%	32,2%
Tăng trưởng LNTT	2,4%	-21,3%	-16,5%	224,9%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	5,4%	-22,4%	-10,4%	227,4%
Tăng trưởng EPS	-0,3%	-23,4%	36,2%	189,6%
Tăng trưởng VCSH	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tăng trưởng Tổng tài sản	-0,4%	0,5%	0,7%	9,9%

Định giá (lần)	2021	2022	2023	2024
P/E	14,31	18,83	26,01	11,02
P/B	0,59	0,59	1,06	1,15
EV/EBITDA	11,80	10,58	17,26	7,31
EV/Sales	2,59	2,12	3,31	2,61
EPS	2.160	1.654	2.253	6.526
BVPS	52.017	52.599	55.024	62.559

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ Công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tư hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây